

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST

Ngày 03/7/2019

"Về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Tín Hiền;
2. Ông Nguyễn Quốc Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 312/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 và Thông báo dời phiên tòa số 06/2019/TB-TA ngày 19 tháng 6 năm 2019, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phan Long Phi H, sinh năm 1991; địa chỉ: Số nhà 49 đường M, khóm X, Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Kim C, sinh năm 1996; địa chỉ: Số nhà 01 hẻm nhà trọ H, đường 30/4, khóm 2, Phường 1, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NHẬN THẤY:

- Trong đơn khởi kiện ngày 10/10/2018 (BL 01) cũng như quá trình giải quyết vụ án (BL 36, 42) và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Phan Long Phi H trình bày:

Năm 2016, anh H kết hôn với chị Lê Thị Kim C và được Ủy ban nhân dân Phường Y cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/12/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số nhà 49 khóm X, Phường Y, thị xã V. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, anh H và chị C đã có 01 con chung là cháu Phan Lê Băng A (Nữ), sinh ngày 13/11/2017. Do bất đồng quan điểm làm phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không hòa hợp làm cho tình cảm phai nhạt nên không còn hạnh phúc nữa. Từ tháng 9/2018, chị C đã tự ý bỏ đi nên vợ chồng không còn sống chung. Nay anh Phan Long Phi H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Lê Thị Kim C.

Về con chung: Anh H đồng ý giao cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phan Lê Băng A, anh H cấp dưỡng cho con tùy theo điều kiện kinh tế của mình; trường hợp chị C khó khăn trong việc nuôi con thì giao cháu C lại cho anh H nuôi dưỡng, anh H không yêu cầu chị C cấp dưỡng cho con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ mà anh H giao nộp gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Trích lục khai sinh của cháu Phan Lê Băng A (BL 02-06).

- Quá trình giải quyết vụ án (BL 36, 42) và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là chị Lê Thị Kim C trình bày:

Chị C thống nhất với anh H về thời điểm kết hôn, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn, thời gian chung sống cũng như tình trạng cuộc sống chung sau khi cưới; chị C cũng thống nhất với ý kiến của anh H đã trình bày về con chung, tài sản chung và nợ chung. Mặc dù thừa nhận có nhiều sai sót với chồng và gia đình chồng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn làm mất hạnh phúc gia đình là do lỗi của mình và hiện nay cũng không có kế hoạch cụ thể, rõ ràng để khắc phục tình trạng hôn nhân nhưng chị C không đồng ý ly hôn, hy vọng được anh H bỏ qua để vợ chồng đoàn tụ.

Trường hợp anh H vẫn cương quyết ly hôn, chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Băng A; do đã có việc làm, hiện đang bán tôm giống cho đại lý nên chị C có thu nhập và không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị C cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ liên quan để chứng minh cho các lý lẽ, nguyện vọng của mình.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập được là Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân Phường Y về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp, nguyện vọng và điều kiện của đương sự cũng như tình trạng phát triển về sức khỏe, trí tuệ của cháu Băng A (BL 24). Chị C, anh H không có ý kiến phản đối về tài liệu, chứng cứ do đương sự đã giao nộp và do Tòa án thu thập được.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh H được ly hôn với chị C; giao cho chị C nuôi dưỡng con chung, ghi nhận ý chí tự nguyện của chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; không giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; quyết định về án phí theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

[1] Về tố tụng: Trong vụ án này, anh H yêu cầu ly hôn với chị C và giải quyết quyền nuôi con chung. Quan hệ tranh chấp nêu trên được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (Sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình); thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Căn cứ bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu; Giấy chứng nhận kết hôn, Trích lục khai sinh của cháu Băng A cũng như lời thừa nhận của chị C; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của anh H về việc kết hôn với chị C, được Ủy ban nhân dân Phường Y cấp Giấy chứng nhận kết hôn và vợ chồng đã có 01 con chung là sự thật. Quá trình chung sống, anh H với chị C đã xảy ra nhiều mâu thuẫn; dù không có thỏa thuận khác và cũng không vì yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động xã hội nhưng vợ chồng không còn sống chung, mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bốn phận của người đó; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; anh H cương quyết ly hôn và cũng không hỗ trợ chị C khắc phục sai sót, chị C cũng không có biện pháp thiết thực để cải thiện tình cảm.

Như vậy, anh H với chị C đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho anh Phan Long Phi H được ly hôn với chị Lê Thị Kim C.

Anh H với chị C đã có 01 con chung là cháu Phan Lê Băng A (Nữ), sinh ngày 13/11/2017. Theo kết quả xác minh của Tòa án (BL 22) thì cháu Băng A đã và đang sống cùng mẹ, phát triển tốt về sức khỏe cũng như trí tuệ; Ủy ban nhân dân Phường Y không phải can thiệp, hỗ trợ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Băng A; cho nên, chị C đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ, quyền của cha mẹ cũng như đạo đức xã hội. Vì vậy, có căn cứ để áp dụng Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; đồng thời, ghi nhận ý chí tự nguyện của chị C về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tiếp tục khẳng định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh H chịu 300.000 đồng theo điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Phan Long Phi H được ly hôn với chị Lê Thị Kim C.

2. Về quyền nuôi con: Giao cho chị Lê Thị Kim C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phan Lê Bằng A (Nữ), sinh ngày 13/11/2017. Ghi nhận ý chí tự nguyện của chị C, về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Trong thời gian chị C nuôi con, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu Phan Lê Bằng A, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nếu có căn cứ hợp pháp, theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khẳng định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phan Long Phi H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0004026 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- UBND Phường Y;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐÚC CHƯƠNG